TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 01 – 2023
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Thương.
2. Bà Trần Thị Đổi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 995/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 421/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Số 00, Ấp 4, xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Bà M và ông S xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 7 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Tấn S chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 7 năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông S.

Về con chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Mai Tấn H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1998 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007. Khi ly hôn, con chung tên H đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M xin được quyền nuôi con chung tên T và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Tấn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông S về việc giải quyết vụ án mà chỉ xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Tấn S hiện đang sinh sống tại ấp 4, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Đ ngày 25 tháng 7 năm 2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Nguyễn Tấn S đều xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M và ông S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Tấn S chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 7 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông S được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà M và ông S chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay bà M xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tha thiết xin được ly hôn với ông S. Ngược lại, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà M và ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông S là phù hợp theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Mai Tấn H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1998 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007. Khi ly hôn, con chung tên H đã trưởng thành nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M xin được quyền nuôi con chung tên T và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, ông S đã được triệu tập hợp

lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà M khai, bà M và ông S chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

Về con chung: Nguyễn Mai Tấn H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1998 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét

Bà Nguyễn Thị M được quyền tiếp tục nuôi con chung tên con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 hiện bà M đang nuôi. Ông Nguyễn Tấn S không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà M không yêu cầu.

Ông S có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu T mà không ai được cản trở. Trường hợp ông S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S theo quy định của pháp luật. Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông S.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông S, bà M, người thân thích của các cháu T, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người

nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà M khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Bà M khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai số 0348 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà M và ông S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- TAND tỉnh Long An.
- UBND xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp